

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HC-ST

Ngày: 24/9/2021

V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Hồ Anh Hoàng và bà H'Mơ Niê

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 40/2021/HCST, ngày 22 tháng 4 năm 2021, về việc “*Kiểm quyết quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-HC ngày 16/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-HC ngày 08/9/2021, giữa các đương sự:

1.1. Bà Trần Thị Q, sinh năm: 1938; địa chỉ: Số 92/75 đường XNN, tổ dân phố 7, phường AT, thành phố W, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

1.2. Bà Hoàng Thị E, sinh năm: 1973; địa chỉ: Số 116/21 đường TCN, tổ dân phố 9, phường AT, thành phố W, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

1.3. Ông Hoàng Văn R; địa chỉ: Số 30/27 đường XNN, tổ dân phố 7, phường AT, thành phố W, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Đại diện ủy quyền của bà Q, bà E, ông R: Bà Phan Thị T; địa chỉ: 29 ĐP, phường AT, thành phố W, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố W, tỉnh Đắk Lắk; trụ sở: Số 01 NLD, thành phố W, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện ủy quyền: Ông Đoàn Ngọc Y – Phó Chủ tịch. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích: Ông Phạm Văn U – Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố W; Địa chỉ: Số 327 HTH, Phường LT, Thành phố W, Tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn P, sinh năm: 1969; địa chỉ: Số 92/71 XNN, TDP 7, phường AT, thành phố W, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Đại diện ủy quyền của ông P: Bà Phan Thị T; địa chỉ: 29 ĐP, phường AT, thành phố W, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của người khởi kiện là Bà Phan Thị T trình bày:**

Năm 1990, ông I đại diện hộ gia đình ký hợp đồng liên kết với nông trường cà phê 11/3 với diện tích 5000 m². Đến năm 1998, nông trường đổi tên thành Công ty cà phê W, ông Hoàng Văn I chồng bà Trần Thị Q có đại diện hộ gia đình ký lại hợp đồng số 315/HĐKT ngày 01/7/1998 thời hạn đến 31/12/2020, Gia đình ông I, bà Q có 6 người con; có 3 con lớn (tên: A, S, D) đi làm công nhân nông trường, con trai (R) đi bộ đội làm nghĩa vụ quốc tế nước bạn Lào, hết nghĩa vụ về nhà không có việc làm nên cùng với 2 em (E và P) ở nhà làm nông nghiệp với gia đình. Sau một thời gian, khi ông R, bà E lập gia đình riêng, vợ chồng ông I bà Q già yếu nên đã giao lại cho ông R 2.000 m² diện tích đất đo đạc thực tế là 2.469,3m², bà E 3000 m² diện tích đo đạc thực tế là 3.577,2 m², tổng diện tích là 6.046,5 m² để trực tiếp canh tác và nộp sản phẩm cho Công ty cà phê W và chăm sóc cho ông bà.

Đến năm 2015, ông I mất, còn bà Trần Thị Q cũng già yếu không làm được. Trong quá trình làm trên diện tích đất giao khoán, bà E cũng như ông R đã tự chi phí đầu tư 100% và đóng thuế cũng như các khoản khác bằng sản phẩm cà phê hàng năm đầy đủ cho công ty cà phê W, số tiền còn thiếu bà E cũng đã đóng vào ngày 24.11.2020 là 10.843.280 đồng các hóa đơn đóng góp vẫn mang tên ông I.

Năm 2010, UBND tỉnh Đắk Lắk có Quyết định thu hồi đất số 403/QĐ – UBND, ngày 05/02/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk, thu hồi đất của bà E diện tích đất là 3.214 m²; ngày 04.01.2017 thu hồi tiếp của bà E 363,2 m², tổng cộng hai lần là 3.577,2 m²; thu hồi của ông R là 2.469,3m².

Ngày 08/12/2010, UBND thành phố W có Quyết định 3886/QĐ- UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ với diện tích lần 1 là 3.214m². Lần 2 là 363,2 m² tổng cộng thực tế 3.577,2 m² nhiều hơn diện tích đất được cấp trong hợp đồng.

Cả hai lần Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định thu hồi đều không thực hiện việc bồi thường về đất cho gia đình bà E.

Ngày 12/10/2020, UBND thành phố W có Quyết định số 7192/QĐ-UBND hủy phương án bồi thường số 3886/QĐ-UBND ngày 08/12/2010.

Ngày 09/11/2020 UBND thành phố W ra Quyết định 7873 và 7874 (phương án bồi thường và hỗ trợ).

Với hai phương án này, trung tâm phát triển quỹ đất thành phố W tính bồi thường và hỗ trợ cho bà E tổng cộng hai đợt tiền cây cối hoa màu là 113.134.152 đồng. Bồi thường và hỗ trợ cho ông R diện tích đất 2.469,3m². Tổng cộng hai đợt bao gồm vật kiến trúc, cây cối hoa màu là 175.770.510 đồng.

Riêng diện tích đất trên cũng như các chi phí khác không hỗ trợ bồi thường và cho rằng ông I chồng bà Q cho ông R bà E không có giấy tờ hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 82 luật đất đai năm 2013. Thực tế từ trước tới nay chưa có khi nào ông I chồng bà Q viết giấy tặng cho các con đất đai tài sản.

Sau khi nghiên cứu xem xét hai Quyết định trên, bà Trần Thị Q thấy rằng hai Quyết định này chưa giải quyết đầy đủ các chính sách về bồi thường, hỗ trợ của nhà nước quy định cho người dân, chưa đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho gia đình bà khi nhà nước thu hồi đất. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án xem xét lại cho bà những vấn đề liên quan cụ thể như sau:

1/ Hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại 10%: Về diện tích đất mà ông I đại diện hộ gia đình ký hợp đồng năm 1998 cho đến hiện nay gia đình bà thực sự đang sử dụng tổng diện tích là 6.046,5 m² nhưng không được hỗ trợ thanh toán phần đầu tư vào đất còn lại cho bà vì cho rằng việc tặng cho giữa ông I chồng bà cho hai con không đúng quy định của pháp luật. Thực tế diện tích đất trên là ông I ký cho cả gia đình ông bà làm.

Khi ông bà già yếu không thể làm được thì giao khoán cho ông R và bà E làm có nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước và nuôi cha mẹ. Khi đóng thuế vẫn mang tên ông I nên khi nhà nước thu hồi thì phải thanh toán và hỗ trợ cho bà Q là vợ ông I chủ hợp đồng.

Mặt khác, trong đơn xin hợp đồng liên kết sản xuất cả phe ông I có viết: “xét điều kiện bản thân và gia đình tôi có đủ năng lực về vốn, kỹ thuật lao động ...không

tự ý mua bán sang nhượng vườn cà phê khi chưa có sự đồng ý của giám đốc công ty ở đây ông I không sang nhượng mua bán mà giao khoán lại cho các con ông làm và khi nộp sản phẩm cũng mang tên ông chứ không phải tên người khác, nay ông I đã chết năm 2015. Vì vậy: Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét hỗ trợ 10% giá trị đất còn lại trên diện tích đất 6.046,5 m² cho bà Trần Thị Q là vợ ông I để bà Q có tiền sinh sống khi già yếu

2/ Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Theo quy định tại Điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013 thì khi nhà nước thu hồi đất ngoài việc nhà nước bồi thường theo quy định của Luật đất đai còn được xem xét hỗ trợ trong đó có hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất. Như vậy, tại Điểm d khoản 1; điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 19 Nghị định 47/2014 của Chính Phủ thì đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm: Hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất nhận khoán vào mục đích đất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó mà bị thu hồi trên 70% diện tích đất thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng bằng tiền nếu không phải di chuyển chỗ ở.

Đối chiếu với quy định trên thì gia đình ông I bị thu hồi toàn bộ diện tích đất đã ký hợp đồng nên đề nghị được xem xét lại.

3/ Về hỗ trợ chuyển đổi nghề: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014 của Chính phủ ngày 15.5.2014 có quy định khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp được thu hồi ra còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng tiền không quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

Tại điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP quy định: “hỗ trợ bằng tiền không quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi, diện tích đất được hỗ trợ không vượt quá giới hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương”

Hiện nay gia đình bà Q có hai người bà Q già yếu và con trai là Hoàng Văn P làm nông nên đề nghị UBND thành phố W xem xét hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo qui định tại điểm a khoản 1 điều 20 nghị định 47/2014/NĐ-CP và khoản 3 điều 23 Quyết định số 39/2014 ngày 10/11/2014 của UBND Tỉnh Đắk Lắk Do Ủy ban nhân dân thành phố W phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất chưa đúng nên bà Q yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử

Hủy một phần Quyết định số 7873/QĐ - UBND và Quyết định số 7874/QĐ - UBND, ngày 09/11/2020 của UBND thành phố W về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với gia đình bà Q yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk buộc Ủy ban nhân dân thành phố W ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Q theo đúng qui định của pháp luật.

*** Ý kiến của đại diện ủy quyền của UBND thành phố W, Ông Đoàn Ngọc Y trình bày:**

- Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 05/02/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 63.845m² đất tại phường AT, thành phố W của Công ty TNHH MTV cà phê W;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 5.138.059,7m² đất tại các phường: TT, TN, LT, AT, TL, TH và xã ET, thành phố W của Công ty TNHH MTV cà phê W; giao diện tích 897.744,7m² đất trong tổng số diện tích đất thu hồi nêu trên cho Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật; giao diện tích 4.240.315m² đất còn lại cho UBND thành phố W quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch và quy định của pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 1940/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 của UBND thành phố về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 dọc hai bên đường N19 (đường PG nối dài), đoạn từ TCN đến bùng binh Km5, Quốc lộ 26 thành phố W; Ngày 09/11/2020, UBND thành phố W ban hành Quyết định số 7873 + 7874/QĐ - UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường PG và Xây dựng cơ sở hạ tầng dọc hai bên đường N19 (đường PG Nối dài), đoạn từ TCN đến bùng binh km5, Quốc lộ 26, thành phố W, (đợt 1+2) đoạn đi qua phường AT.

- Đối với đơn khởi kiện của bà Trần Thị Q, ông Hoàng Văn R và bà Hoàng Thị E: Khởi kiện hành chính về việc không hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, hỗ trợ ổn định đời sống và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp tại Quyết định số 7873 + 7874/QĐ - UBND ngày 09/11/2020 của UBND thành phố W. Tôi có ý kiến như sau:

Căn cứ Công văn số 2472/UBND-NN&MT ngày 24/03/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk với nội dung: Chấm dứt chủ trương đối với dự án Trường Cao đẳng văn hóa nghệ thuật Đắk Lắk, diện tích 63.845m² đất, giao cho UBND thành phố W căn

cứ số liệu kiểm kê tại thời điểm năm 2010 để tổ chức lập, thẩm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định hiện hành.

Căn cứ Công văn số 7632/UBND-NN&MT ngày 26/08/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk với nội dung: Đồng ý chủ trương cho UBND thành phố W áp dụng phân loại một số cây trồng như bơ, mít, xoài, nhãn, chôm chôm....và một số loại cây trồng khác không xác định khối lượng gỗ tại Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 08/12/2010 của UBND thành phố W theo loại A và áp dụng mức tính khối lượng gỗ đối với cây trồng cùng loại hoặc tương đương của các dự án đang thực hiện trên địa bàn phường AT, thành phố W.

Căn cứ Quyết định số 7192/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 về việc hủy Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 08/12/2010 của UBND thành phố W về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Trường Cao đẳng văn hóa nghệ thuật Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trong vụ án hành chính của bà Trần Thị Q, ông Hoàng Văn R và bà Hoàng Thị E khởi kiện. Tôi có ý kiến sau:

+ Hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất: Diện tích đất ông Hoàng Văn I (chồng bà Trần Thị Q) sau khi ký hợp đồng với Công ty cà phê W nhưng không trực tiếp sản xuất mà cho các con là ông Hoàng Văn R (vợ Nguyễn Thị F) và bà Hoàng Thị E bằng giấy viết tay không đúng theo quy định của pháp luật nên không xem xét hỗ trợ.

+ Về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Thửa đất số 5: Ông Hoàng Văn I sau khi hợp đồng với Công ty cà phê W đã cho con là ông Hoàng Văn R (vợ là Nguyễn Thị F) 2.000m² bằng giấy tay không đúng theo quy định của pháp luật nên không xem xét hỗ trợ.

Thửa đất số 43: Ông Hoàng Văn I sau khi hợp đồng với Công ty cà phê W đã cho con là bà Hoàng Thị E 3.000m² bằng giấy tay không đúng theo quy định của pháp luật nên không xem xét hỗ trợ.

+ Về hỗ trợ chuyển đổi nghề:

Việc hộ dân chuyển đổi nghề nghiệp là không có cơ sở. Vì toàn bộ diện tích đất của Công ty TNHH MTV cà phê W đã được UBND tỉnh thu hồi tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017.

Từ những căn cứ trên, Ủy ban nhân dân thành phố W ban hành Quyết định số 7873 + 7874/QĐ-UBND, ngày 09/11/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường PG và Xây dựng cơ sở hạ tầng dọc hai bên đường N19 (đường PG Nối dài), đoạn từ TCN đến bùng binh

km5, Quốc lộ 26, thành phố W (đợt 1+2) đoạn đi qua phường AT trong đó có hộ ông Hoàng Văn I (vợ là Trần Thị Q) ký hợp đồng với Công ty cà phê W nhưng không trực tiếp sản xuất và cho các con bằng giấy viết tay là Ông Hoàng Văn R (vợ Nguyễn Thị F) và bà Hoàng Thị E.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q, bà Hoàng Thị E và ông Hoàng Văn R về việc: Hủy một phần Quyết định số 7873/QĐ- UBND và Quyết định số 7874/QĐUBND, ngày 9/11/2020 của UBND thành phố W về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với gia đình bà Q; buộc UBND thành phố W phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, bổ sung hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại; hỗ trợ chi phí đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định sản xuất cho hộ bà Trần Thị Q theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 09/11/2020, UBND thành phố W ban hành quyết định số 7873/QĐ-UBND và 7874/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất hai bên đường PG đoạn từ TCN đến bùng binh Km5, Quốc lộ 26, thành phố W. Ngày 02/4/2021, bà Trần Thị Q, bà Hoàng Thị E và ông Hoàng Văn R làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy 02 quyết định trên. Do đó, việc khởi kiện vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, theo quy định tại các Điều 30, 32 và 116 Bộ luật tố tụng Hành chính.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho đại diện uỷ quyền của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện. Tuy nhiên, đại diện uỷ quyền của người bị kiện có đơn

xin xét xử vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện vắng mặt không có lý do; xét thấy đây là phiên tòa lần thứ hai và việc tổng đạt hoàn toàn hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng Hành chính.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của những người khởi kiện.

[2.1] Xét nguồn gốc đất: Năm 1990, ông I đại diện hộ gia đình ký hợp đồng liên kết với nông trường cà phê 11/3 với diện tích 5000 m². Đến năm 1998, nông trường đổi tên thành Công ty cà phê W, ông Hoàng Văn I đại diện hộ gia đình có ký lại hợp đồng số 315/HĐKT, ngày 01/7/1998 thời hạn đến 31/12/2020. Tại đơn xin hợp đồng liên kết sản xuất cà phê ngày 15/5/1998, có ghi “*xét điều kiện của bản thân và gia đình tôi có đủ năng lực về vốn, kỹ thuật, lao động để hợp đồng sản xuất cà phê với công ty*”. Mặt khác, tại hợp đồng liên kết các bên đều xác nhận bên B - ông Hoàng Văn I, là đại diện hộ liên kết. Như vậy, hợp đồng liên kết số 315/HĐKT ngày 01/7/1998 là giữa hộ ông Hoàng Văn I với Công ty cà phê W, chứ không phải cá nhân ông I ký hợp đồng.

Theo sổ hộ khẩu gia đình được lập ngày 19/6/1995 đã được UBND phường AT chứng thực, các thành viên trong hộ ông Hoàng Văn I gồm: Chủ hộ là bà Trần Thị Q, ông Hoàng Văn I cùng các con là Hoàng Văn P và Hoàng Thị E (bút lục số 49). Như vậy, đất có nguồn gốc rõ ràng, được ông I đại diện hộ gia đình ký hợp đồng nhận khoán với Công ty cà phê W để gia đình đầu tư, chăm sóc.

[2.2] Xét yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại 10%. HĐXX thấy:

Căn cứ khoản 2 Điều 78 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “...*Trường hợp đất nông nghiệp không phải là đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên của tổ chức kinh tế đã giao khoán cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật khi Nhà nước thu hồi đất thì hộ gia đình, cá nhân nhận khoán không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại*”.

Tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk “*Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 10% giá trị diện tích đất bị thu hồi tính theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định*”.

Tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: “*Nếu diện tích đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất do việc đo đạc trước đây thiếu chính xác hoặc do khi kê khai đăng ký trước đây người sử dụng đất không kê khai hết diện tích nhưng toàn bộ ranh giới thửa đất*

đã được xác định là không thay đổi, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề, không do lấn, chiếm thì bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế.”

Như vậy, hộ gia đình ông I có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 nên được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại.

[2.2] Xét yêu cầu về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, thấy:

Tại điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định: *“Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông trường, lâm trường quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất.”*

Năm 1998, khi nông trường đổi tên thành Công ty cà phê W, ông Hoàng Văn I chồng bà Trần Thị Q đại diện hộ gia đình ký lại hợp đồng số 315/HĐKT ngày 01/7/1998 thời hạn đến 31/12/2020. Ngày 05/02/2020, UBND tỉnh Đắk Lắk có Quyết định thu hồi đất số 403/QĐ-UBND, thời điểm này hợp đồng giao khoán của hộ gia đình ông I vẫn còn hiệu lực nên theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, thì hộ gia đình ông I có đủ điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

[2.3] Xét yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho ông Hoàng Văn P.

Tại các Điều 83, Điều 84 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 19 của Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định:

“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi Nhà nước thu hồi mà thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp; hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó;”

Khoản 6 Điều 4 của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định:

“1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 của Nghị định này khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà

được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.”

Xét, hộ Hoàng Văn I đã nhận giao khoán từ năm 1990, đến năm 1998 có ký lại hợp đồng số 315/HĐKT, ngày 01/7/1998 thời hạn đến 31/12/2020. Mặt khác, hộ gia đình ông I không phải là cán bộ, công nhân của Công ty cà phê W, sau khi nhận đất giao khoán hộ gia đình ông I trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên phần diện tích đất nhận khoán của mình, việc canh tác trên mảnh đất giao khoán là nguồn thu nhập chính của tất cả các thành viên hộ dân được giao khoán để nuôi sống gia đình. Tại đơn xác nhận lập ngày 22/9/2021, được chính quyền địa phương xác nhận: ông P hiện đang làm nông và cũng là người trực tiếp tham gia cùng gia đình canh tác trên diện đất nhận khoán. Do đó, yêu cầu khởi kiện về hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của người khởi kiện đối với hộ gia đình ông I cho ông Hoàng Văn P là có căn cứ

Từ những đánh giá, phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện. Cần hủy một phần Quyết định số 7873/QĐ-UBND và Quyết định số 7874/QĐ-UBND, ngày 09/11/2020 của UBND thành phố W về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với gia đình bà Q, cần buộc Ủy ban nhân dân thành phố W ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia bà Q theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét lời khai nại của đại diện UBND TP. W cho rằng ông I ký hợp đồng với Công ty cà phê W nhưng không trực tiếp sản xuất mà tặng cho các con là ông Hoàng Văn R (vợ Nguyễn Thị F) và bà Hoàng Thị E quyền sử dụng đất. HĐXX thấy rằng: UBND TP. W cung cấp giấy cho tặng quyền sử dụng đất giữa ông Hoàng Văn I với bà Nguyễn Thị F và Hoàng Thị E ngày 16/02/1999 (bản phô tô). Người khởi kiện cho rằng ông I không tặng cho quyền sử dụng đất cho các con là ông R, bà E nên chữ ký của các bên trong giấy tặng cho đất mà UBND. TP. W cung cấp không phải là chữ ký của ông I, ông R và bà E đồng thời có đơn yêu cầu giám định chữ ký trong giấy cho tặng quyền sử dụng đất, Tòa án đã tổng đạt thông báo hợp lệ đến UBND TP. W về việc yêu cầu cung cấp tài liệu giấy cho tặng quyền sử dụng đất bản gốc để thực hiện việc trưng cầu giám định nhưng hết thời hạn, UBND TP. W không cung

cấp xem như từ bỏ quyền chứng minh cho lời khai của mình nên không có căn cứ để xác định ông I đã tặng cho các con quyền sử dụng đất. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời khai của UBND Tp. Buôn Ma Thuột.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên UBND thành phố W phải chịu án phí HCST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng khoản 2 Điều 78; Điều 83 và 84 Luật đất đai năm 2013; khoản 6 Điều 4 của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; khoản 2 Điều 12; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 19 của Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q, bà Hoàng Thị E và ông Hoàng Văn R.

Tuyên hủy một phần Quyết định số 7873/QĐ-UBND và Quyết định số 7874/QĐ-UBND, ngày 09/11/2020 của UBND thành phố W về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với gia đình bà Q

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố W ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Q bao gồm: Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại 10%; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với ông Hoàng Văn P theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về án phí: Buộc UBND thành phố W phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Trần Thị Q; bà Hoàng Thị E, ông Hoàng Văn R không phải chịu án phí HCST, hoàn trả cho bà bà Hoàng Thị E và ông Hoàng Văn R mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí HCST theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0006760, số 60AA/2021/0006759 cùng ngày 20/4/2021.

[3] Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện được quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- *TAND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền